| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ DĨ AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày 18-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ và ông Trịnh Văn Lực.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 677/2024/TLST-DS ngày 07/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 519/2024/QĐXXST-DS ngày 30/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Kiều V, sinh năm 1982; thường trú: Khu phố N phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Trần Công N, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết mặt.

***NỘI DUNG VỤ ÁN:***

*- Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 11/12/2022, ông Trần Công N ký kết với Ngân Hàng TMCP S giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng; mục đích: vay tiêu dùng; lãi suất tại thời điểm cấp thẻ 29.8%/năm (lãi suất này thay đổi theo từng thời kỳ), được quy định trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ vào thu nhập của ông N, ngày 11/12/2022 ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng cho ông N. Khi khách hàng thanh toán cho khoản vay thì hệ thống sẽ căn cứ hạn mức còn lại tiếp tục cấp hạn mức theo nhu cầu của khách hàng nhưng không vượt quá vốn gốc 50.000.000 đồng trong cùng một thời điểm.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông N đã thanh toán cho ngân hàng S số tiền 31.627.795 đồng. Đến ngày 25/03/2024, ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 5.7 Điều 5 điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân

hàng S, nên toàn bộ dư nợ của ông N đã chuyển nợ quá hạn. Tạm tính đến thời điểm ngày 17/03/2025, ông N còn nợ ngân hàng S tổng số tiền 47.696.309 đồng trong đó tiền gốc 33.193.273 đồng, lãi quá hạn 14.503.036 đồng, cụ thể như sau: Theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 11/12/2022: Vốn gốc 578.273 đồng, lãi 243.868 đồng, tổng cộng 822.141 đồng; khoản vay S Pay 45.000.000 đồng, trả góp 24 tháng; vốn gốc 25.875.000 đồng, lãi: 11.371.752 đồng, tổng cộng 37.246.752 đồng; khoản vay S Pay 6.000.000 đồng, trả góp 6 tháng tiền gốc 6.740.000 đồng, lãi 2.887.416 đồng, tổng cộng 9.627.416 đồng. Vì vậy ngân hàng S yêu cầu ông N phải trả số nợ này và tiền lãi quá hạn, lãi phạt được tính theo Hợp đồng tín dụng (đã nêu) từ ngày 18/3/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- *Tại bản tự khai ngày 28/02/2025 bị đơn ông Trần Công N trình bày:* Ông N đang chấp hành án tù tại trại giam Đắk P'lao, khi biết được nội dung ngân hàng S khởi kiện, ông N thừa nhận đã được ngân hàng S cấp tín dụng cá nhân ngày 11/12/2022 với hạn mức 50.000.000 đồng. Đang thực hiện hợp đồng thì ông N bị bắt tạm giam vào ngày 20/12/2023, sau đó bị Toà án nhân dân thành phố Dĩ An xử phạt 8 năm 3 tháng tù giam nên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng. Ông N thừa nhận còn nợ ngân hàng S tổng số tiền gốc 33.193.273 đồng, cụ thể theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 11/12/2022: 578.273 đồng; khoản vay S Pay 45.000.000 đồng, trả góp 24 tháng 25.875.000 đồng; Khoản vay S Pay 6.000.000 đồng, trả góp 6 tháng 6.740.000 đồng. Ông N có yêu cầu được ngân hàng S chốt lại số nợ gốc, khi nào chấp hành án xong ông thực hiện phần hợp đồng còn lại, về phần nợ lãi đề nghị ngân hàng S khoanh lãi lại.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tuy nhiên đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là hợp lệ.

Về nội dung vụ án, xét thấy nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hợp đồng tín dụng. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Giữa Ngân hàng TMCP S và ông Trần Công N ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 11/12/2022 với hạn mức 50.000.000 đồng. Thực hiện theo hợp đồng, ngân hàng S đã giải ngân cho ông N số tiền vay, do trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N có thanh toán nên ngân hàng S tiếp tục cấp tín dụng khoản vay S Pay 45.000.000 đồng, sau đó là khoản vay S Pay 6.000.000 đồng tuy nhiên không vượt quá vốn gốc 50.000.000 đồng trong cùng một thời điểm. Xét Hợp đồng tín dụng đã ký giữa ngân hàng S với ông Trần Công N là đúng quy định nên phát sinh hiệu lực. Ông N đã nhận được số tiền vay theo hợp đồng nên có trách nhiệm trả tiền vay theo thoả thuận tại Điều 5 của Hợp đồng.

[2.2] Về trình bày các đương sự: Trình bày của ngân hàng S, từ ngày 25/3/2024 ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng. Tính đến ngày 17/03/2025, ông Trần Công N còn nợ lại tổng số tiền 47.696.309 đồng trong đó vốn gốc 33.193.273 đồng, lãi quá hạn 14.503.036 đồng. Ông Trần Công N thừa nhận khoản nợ trên, do vi phạm pháp luật ông N bị xét xử và phải chấp hành án phạt tù dẫn đến việc trả nợ gốc, lãi không thực hiện được. Xét, nội dung trên các đương sự thừa nhận. Do vậy, khoản nợ gốc, lãi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về phần lãi ông Trần Công N có nguyện vọng được phía ngân hàng xem xét khoanh lãi để ông N có điều kiện trả nợ. Tuy nhiên ngân hàng không thống nhất yêu cầu trên. Căn cứ Hợp đồng các bên ký kết, Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông N.

[3] Xét, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Công N phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên tổng số tiền phải trả cho ngân hàng S theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Trần Công N.

1.1. Buộc ông Trần Công N phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ phát sinh từ giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 11/12/2022 tạm tính đến ngày 17/03/2025 tổng số tiền 47.696.309 (bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm lẻ chín) đồng trong đó vốn gốc: 33.193.273 (ba mươi ba triệu một trăm chín mươi ba ngàn hai trăm bảy mươi ba) đồng, lãi quá hạn 14.503.036 (mười bốn triệu năm trăm lẻ ba ngàn không trăm ba mươi sáu) đồng. Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 18/3/2025 cho đến khi ông Trần Công N trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thoả thuận trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 11/12/2022.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Công N phải nộp 2.384.815 (hai triệu ba trăm tám mươi tư ngàn tám trăm mười lăm) đồng. Trả lại cho Ngân Hàng TMCP S 889.513 (tám trăm tám mươi chín ngàn năm trăm mười ba) đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tiền số 0001535 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Linh**